

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTK K	Tổng điểm
1	158933	5	NGUYỄN HỒ GIA BẢO	12/04/2005	Nam	9A	7.5	6.25	5.5	0	32.25
2	159061	10	NGUYỄN TẤN DŨNG	25/01/2005	Nam	9A	8.3	6.5	6.25	0	35.5
3	159139	14	ĐỖ HUỲNH GIA HÂN	16/12/2005	Nữ	9A	7.5	4.5	5.25	0	30
4	159208	16	NGUYỄN MINH HIẾU	24/05/2005	Nam	9A	7.3	7	7.5	0	36.5
5	159256	18	BÙI THỊ THU HƯƠNG	10/10/2005	Nữ	9A	7	8.25	9	0	40.25
6	159263	19	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	14/12/2005	Nữ	9A	7.3	6.75	8	0	37.25
7	159271	19	ĐẶNG NHẬT HUY	28/10/2005	Nam	9A	7	7.75	7.75	1	38.25
8	159299	20	PHẠM GIA HUY	17/10/2005	Nam	9A	7.3	7.75	7.75	0	37.75
9	159323	21	NGUYỄN BẢO KHA	07/06/2005	Nam	9A	8.3	8.5	6	0	37
10	159361	23	BÙI MỸ KHÁNH	17/05/2005	Nữ	9A	7.8	7	7.75	1	39
11	159365	23	NGUYỄN LÊ KHÁNH	01/10/2005	Nam	9A	6.5	6.25	3	0	25.25
12	159404	1	PHÙNG NGUYỄN MINH KHÔI	02/10/2005	Nam	9A	7.8	8.75	8.75	0	41.75
13	159435	2	ĐỖ NHẬT LAM	18/07/2005	Nữ	9A	7.3	6.75	7.5	0	36.25
14	159439	2	NGUYỄN THANH LÂM	30/08/2005	Nam	9A	7	9	8.25	0	39.5
15	159473	3	PHẠM THÙY LINH	23/10/2005	Nữ	9A	8	6.5	8.25	0	39
16	159501	5	NINH THIÊN LUÂN	11/11/2005	Nam	9A	7	7	9.25	0	39.5
17	159671	12	PHẠM TRUNG NGUYỄN	03/02/2005	Nam	9A	7.5	6.75	8.25	0	38.25
18	159676	12	VÕ PHÚC NGUYỄN	12/10/2005	Nam	9A	7	7.75	8.75	0	39.25
19	159678	12	LÊ NGUYỄN TUẤN NHÃ	03/11/2005	Nam	9A	8	5.5	4.5	0	30.5
20	159709	13	LÊ NGUYỄN BẢO NHI	12/06/2005	Nữ	9A	8.5	9.25	8.5	0	43.25
21	159737	14	TRẦN HOÀNG MINH NHI	08/08/2005	Nữ	9A	8.5	7.5	8.75	0	42
22	159746	15	NGUYỄN ĐỖ QUỲNH NHƯ	02/08/2005	Nữ	9A	8	6	7	0	36
23	159747	15	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH NHƯ	15/10/2005	Nữ	9A	7	6.75	3	0	26.75
24	159752	15	NGUYỄN THẢO NHƯ	14/02/2005	Nữ	9A	8	6.25	8.5	0	39.25
25	159791	17	VÕ MINH PHONG	12/07/2005	Nam	9A	6.5	6.25	5.75	0	30.75
26	159884	21	ĐỖ TRƯỞNG NHƯ QUỲNH	15/08/2005	Nữ	9A	8	7	7	0	37
27	159912	22	TẶNG ĐÀM SONG	14/06/2005	Nam	9A	7	5.75	8.5	0	36.75
28	160022	4	NGUYỄN PHÚ THỊNH	11/08/2005	Nam	9A	6.5	6	7.75	0	34.5

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTK K	Tổng điểm
29	160038	5	NGUYỄN LÝ HOÀNG THÔNG	28/05/2005	Nam	9A	5.8	5.5	4	0	25
30	160110	8	NGUYỄN THU THỦY	09/12/2005	Nữ	9A	7.5	6.75	7.5	0	36.75
31	160214	12	PHAN HIẾU MINH TRANG	13/04/2005	Nữ	9A	7.5	9	8	0	40
32	160230	13	NGÔ QUỐC TRIỆU	23/06/2005	Nam	9A	8.5	8	8	0	41
33	160298	16	NGUYỄN MINH TUẤN	31/05/2005	Nam	9A	7	5.25	4.5	0	28.25
34	160323	17	ĐƯƠNG NGỌC PHƯƠNG UYÊN	27/09/2005	Nữ	9A	8	7.25	5.5	0	34.25
Tổng cộng có tất cả: 34 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158857	2	LÊ NGỌC VĨNH AN	08/01/2005	Nam	9AT1	8	8.5	8.5	0	41.5
2	158879	3	NGUYỄN ĐỖ MINH ANH	22/11/2005	Nữ	9AT1	8.5	8.5	9	0	43.5
3	158894	3	PHAN NGỌC CHIỀU ANH	08/07/2005	Nữ	9AT1	7	8.75	7.5	0	37.75
4	158910	4	VÕ TRẦN LAN ANH	10/10/2005	Nữ	9AT1	8	7.75	8.75	0	41.25
5	158961	6	NGUYỄN ĐÌNH NGỌC CÂN	08/03/2005	Nam	9AT1	8	9	9.75	0	44.5
6	158966	6	HUỖNH NGỌC BẢO CHÂU	28/01/2005	Nữ	9AT1	8	7	4	0	31
7	159044	10	KHƯƠNG HỒ ANH ĐỨC	11/05/2005	Nam	9AT1	6	8.5	8.5	0	37.5
8	159142	14	HUỖNH LÊ GIA HÂN	10/05/2005	Nữ	9AT1	8.3	8.5	6.25	0	37.5
9	159143	14	HUỖNH NGỌC HÂN	04/05/2005	Nữ	9AT1	7.8	7.25	7.5	0	37.75
10	159153	14	NGUYỄN TRẦN KIM HÂN	13/12/2005	Nữ	9AT1	6.5	8.5	8.5	0	38.5
11	159214	17	HUỖNH NGỌC HOA	18/01/2005	Nữ	9AT1	8	9	7.5	1	41
12	159280	19	HUỖNH ANH HUY	16/08/2005	Nam	9AT1	5.8	7.75	3	0	25.25
13	159329	21	LÂM TUẤN KHẢI	18/10/2005	Nam	9AT1	6.3	6.25	5.75	1	31.25
14	159438	2	HỒ THANH LÂM	03/01/2005	Nam	9AT1	8	6.25	6.25	0	34.75
15	159441	2	HOÀNG THỊ MAI LAN	27/04/2005	Nữ	9AT1	7.5	7	8	0	38
16	159504	5	NGUYỄN THỊ HIỀN LƯƠNG	18/01/2005	Nữ	9AT1	8	9.75	9.5	0	44.75
17	159520	5	VÕ TRẦN XUÂN MAI	11/07/2005	Nữ	9AT1	6.5	5.75	2	0	22.75
18	159592	8	NGUYỄN NGỌC THANH NGÂN	20/07/2005	Nữ	9AT1	7.5	9	9.5	0	43
19	159619	10	TRẦN ĐÔNG NGHI	27/02/2005	Nữ	9AT1	7.5	8.5	9.25	0	42
20	159766	16	NGUYỄN HỒNG NHUNG	12/05/2005	Nữ	9AT1	7.5	8.5	8.25	0	40
21	159835	19	PHẠM NGỌC LAN PHƯƠNG	28/09/2005	Nữ	9AT1	8	9.25	9.5	0	44.25
22	159846	19	LÊ NGUYỄN YẾN PHƯƠNG	15/01/2005	Nữ	9AT1	7.5	6.5	5.5	0	32.5
23	159848	19	ĐÌNH MINH QUÂN	14/04/2005	Nam	9AT1	7.5	8.5	6.5	0	36.5
24	159866	20	NGUYỄN MINH QUANG	09/03/2005	Nam	9AT1	8.5	7.75	9.5	0	43.75
25	159974	2	NGUYỄN NGỌC THANH THANH	25/06/2005	Nữ	9AT1	8	8.5	9.75	0	44
26	160025	4	PHẠM MAI QUỐC THỊNH	03/03/2005	Nam	9AT1	7.3	7.75	6.25	0	34.75
27	160094	7	HOÀNG THỰC PHƯƠNG THUẬN	01/01/2005	Nữ	9AT1	8.3	7.75	7.75	0	39.75
28	160131	9	PHÙNG NGỌC BẢO TIỀN	02/04/2005	Nữ	9AT1	7.5	6.5	5.25	0	32
29	160171	11	HỒ NGUYỄN PHƯƠNG TRÂM	25/08/2005	Nữ	9AT1	6.8	7	3	0	26.5

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	160180	11	NGUYỄN VƯƠNG BÍCH TRÂM	16/05/2005	Nữ	9AT1	8.3	9	8.25	0	42
31	160211	12	NGUYỄN THÙY TRANG	25/01/2005	Nữ	9AT1	8.5	8	9	0	43
32	160226	13	ĐÀO MINH TRIẾT	16/03/2005	Nam	9AT1	7	6.75	6.5	0	33.75
33	160262	14	BÙI QUỐC TRUNG	17/05/2005	Nam	9AT1	7.8	6.75	9	0	40.25
34	160284	15	NGÔ THANH CẨM TÚ	08/07/2005	Nữ	9AT1	8.3	8.75	8.5	0	42.25
35	160287	15	PHẠM NGỌC CẨM TÚ	11/11/2005	Nữ	9AT1	8.3	9.5	9.5	0	45
36	160355	18	NGUYỄN VIỆT QUANG VINH	04/06/2005	Nam	9AT1	8.3	7	9.25	0	42
37	160371	19	HUỖNH LÊ THẢO VY	25/03/2005	Nữ	9AT1	8.3	7.75	7.5	0	39.25
Tổng cộng có tất cả: 37 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158868	2	HUỲNH NGUYỄN MINH ANH	24/02/2005	Nữ	9AT2	8.3	7.5	5.25	0	34.5
2	158950	6	BÙI THỊ NGỌC BÍCH	26/08/2005	Nữ	9AT2	8.5	7.5	7.5	0	39.5
3	158975	7	LÊ NGUYỄN HƯƠNG CHI	11/01/2005	Nữ	9AT2	8.3	7.75	6.75	0	37.75
4	159052	10	NGUYỄN LỮ HOÀI DUNG	01/01/2005	Nữ	9AT2	6.8	7.75	7.75	0	36.75
5	159058	10	NGUYỄN HÙNG DŨNG	22/12/2005	Nam	9AT2	6.8	6.75	5.5	0	31.25
6	159077	11	ĐẶNG NGUYỄN MINH DUY	05/03/2005	Nam	9AT2	7	7.75	8.5	0	38.75
7	159096	12	TRẦN ĐỨC QUỐC DUY	10/02/2005	Nam	9AT2	7.3	6.75	7	0	35.25
8	159123	13	BÙI PHƯƠNG QUỲNH GIAO	14/10/2005	Nữ	9AT2	7.8	8.5	4.5	0	33
9	159127	13	HỒ KHÁNH HÀ	18/10/2005	Nữ	9AT2	7.8	7.75	8.5	0	40.25
10	159156	14	PHẠM NGỌC NGUYỄN KIM HÂN	22/07/2005	Nữ	9AT2	8.5	7.25	8	0	40.25
11	159270	19	BÙI VĂN GIA HUY	11/08/2005	Nam	9AT2	7.3	8	6.75	0	36
12	159318	21	NGÔ BẢO HY	18/10/2005	Nam	9AT2	7.5	7.25	7.5	1	38.25
13	159360	23	PHẠM HOÀNG VĂN KHANH	04/10/2005	Nữ	9AT2	7.8	7.5	5.25	0	33.5
14	159363	23	HỒ VĂN KHÁNH	09/12/2005	Nữ	9AT2	6.5	9	7.5	0	37
15	159371	23	TRẦN MINH KHÁNH	07/11/2005	Nữ	9AT2	8.3	7.75	7.25	0	38.75
16	159372	23	TRẦN NGỌC KHÁNH	11/10/2005	Nữ	9AT2	7	7	8	0	37
17	159416	1	LÂM TIỀN KIẾT	31/07/2005	Nam	9AT2	7.5	7.75	4.25	0	31.25
18	159431	2	CHOU VĨNH KỲ	15/01/2005	Nam	9AT2	5	5.5	4.75	1	26
19	159508	5	ĐẶNG NGUYỄN HOÀNG MAI	09/04/2005	Nữ	9AT2	8	7.75	6.25	0	36.25
20	159525	6	VŨ GIA MÃN	03/06/2005	Nữ	9AT2	7.3	9.75	8.25	0	40.75
21	159588	8	LIÊN TRỊNH KIM NGÂN	12/02/2005	Nữ	9AT2	8.5	4.25	4.5	1	31.25
22	159605	9	DƯƠNG GIA NGHI	20/01/2005	Nữ	9AT2	8	8	8.75	0	41.5
23	159626	10	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	20/01/2005	Nữ	9AT2	8.5	9.5	8.5	0	43.5
24	159637	10	LƯƠNG TRẦN NHƯ NGỌC	19/03/2005	Nữ	9AT2	7.5	6.75	5.5	0	32.75
25	159693	13	LÊ MINH NHẬT	14/02/2005	Nam	9AT2	8	7.25	7.25	0	37.75
26	159751	15	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	15/07/2005	Nữ	9AT2	7.5	8	7.75	0	38.5
27	159795	17	LÊ GIA PHÚ	03/05/2005	Nam	9AT2	7	9.5	7.5	0	38.5
28	159842	19	TRỊNH TUYẾT PHƯƠNG	14/05/2005	Nữ	9AT2	7.3	8.5	7.25	1	38.5
29	159859	20	THÁI HOÀNG MINH QUÂN	09/10/2005	Nam	9AT2	7.8	8.75	7.75	0	39.75

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	159891	21	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	30/10/2005	Nữ	9AT2	7.3	6	7.5	0	35.5
31	159947	1	ĐẶNG QUỐC TÊ	07/03/2005	Nam	9AT2	7.8	8.25	4.5	0	32.75
32	160037	5	NGUYỄN HOÀNG MINH THÔNG	25/06/2005	Nam	9AT2	7.3	9	9.25	0	42
33	160062	6	NGUYỄN HUỲNH ANH THƯ	03/07/2005	Nữ	9AT2	8.5	8	8	0	41
34	160095	7	LÂM GIA THUẬN	27/06/2005	Nam	9AT2	6	8.75	7.75	0	36.25
35	160176	11	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	30/01/2005	Nữ	9AT2	5.3	3.5	7	0	28
36	160223	13	TIÊU MINH TRÍ	09/09/2005	Nam	9AT2	7	6	4	0	28
37	160225	13	VÕ TRẦN TRÍ	05/06/2005	Nam	9AT2	7.8	7.25	9	0	40.75
38	160291	16	TRẦN DƯƠNG CẨM TÚ	27/05/2005	Nữ	9AT2	6.8	5.5	5.25	0	29.5
39	160350	18	TRẦN HUỲNH PHƯƠNG VI	01/09/2005	Nữ	9AT2	7.8	7.75	7.75	0	38.75
Tổng cộng có tất cả: 39 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158847	1	PHẠM HOÀI AN	22/08/2005	Nam	9AT3	7	7.75	9.5	0	40.75
2	158873	2	LÊ NGỌC PHƯƠNG ANH	23/06/2005	Nữ	9AT3	7.8	6.75	6	0	34.25
3	158904	4	TRẦN NGUYỄN MINH ANH	14/09/2005	Nữ	9AT3	8	7.25	5.75	0	34.75
4	158925	5	HUỖNH QUỐC BẢO	13/01/2005	Nam	9AT3	8.5	8	5.75	0	36.5
5	158928	5	LÊ HOÀNG BẢO	08/10/2005	Nam	9AT3	8.3	6.75	7.25	0	37.75
6	158929	5	LÊ TRẦN GIA BẢO	19/04/2005	Nam	9AT3	7.8	7	5.25	0	33
7	158968	6	LÊ BẢO CHÂU	17/01/2005	Nữ	9AT3	7.3	7	7	0	35.5
8	159049	10	TRẦN MINH ĐỨC	04/12/2005	Nam	9AT3	7.5	6	6.25	0	33.5
9	159088	11	NGUYỄN HỮU DUY	25/07/2005	Nam	9AT3	7.3	7.75	7.75	0	37.75
10	159104	12	LÝ HẢI DUYỄN	26/12/2005	Nữ	9AT3	8.5	7.25	8	1	41.25
11	159115	13	LÊ NGỌC PHƯƠNG GIANG	12/04/2005	Nữ	9AT3	6.5	7.5	6.5	0	33.5
12	159125	13	TRẦN NGUYỄN QUỲNH GIAO	11/01/2005	Nữ	9AT3	7.5	6.75	7.75	0	37.25
13	159128	13	NGUYỄN NGỌC HÀ	17/07/2005	Nữ	9AT3	7.5	6	8	0	37
14	159129	13	NGUYỄN VIỆT HÀ	11/09/2005	Nữ	9AT3	7.5	9	6.5	0	37
15	159159	14	TRẦN NGỌC HÂN	22/11/2005	Nữ	9AT3	7.5	6	9	0	39
16	159199	16	NGUYỄN QUANG HIỀN	02/10/2005	Nam	9AT3	7	8.5	6.5	0	35.5
17	159252	18	TRẦN PHÚC HÙNG	05/07/2005	Nam	9AT3	6.5	5.5	5.25	0	29
18	159293	20	NGUYỄN GIA HUY	12/12/2005	Nam	9AT3	6	7.75	6.75	0	33.25
19	159298	20	NGUYỄN QUỐC HUY	16/07/2005	Nam	9AT3	7.8	8.5	6.25	0	36.5
20	159344	22	LÊ NGUYỄN HỮU KHANG	05/01/2005	Nam	9AT3	6.8	6	8	0	35.5
21	159374	23	TRỊNH KIM KHÁNH	26/10/2005	Nữ	9AT3	7.5	8	7.5	0	38
22	159389	24	NGUYỄN TRẦN ĐĂNG KHOA	01/05/2005	Nam	9AT3	8	8.75	6.5	0	37.75
23	159446	2	LÊ HOÀNG LÊ	22/06/2005	Nữ	9AT3	7.3	9	6.25	0	36
24	159499	5	VĂN HOÀNG LONG	03/12/2005	Nam	9AT3	8.5	6	8	0	39
25	159530	6	HUỖNH NỮ TÚ MINH	19/10/2005	Nữ	9AT3	7.3	7.25	6.5	0	34.75
26	159534	6	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG MINH	18/03/2005	Nữ	9AT3	6	5.25	2.25	0	21.75
27	159583	8	LÂM BẢO NGÂN	02/04/2005	Nữ	9AT3	8	8.75	3.5	0	31.75
28	159625	10	LÊ TRUNG NGHĨA	21/02/2005	Nam	9AT3	6.8	6.5	5.25	0	30.5
29	159639	10	NGUYỄN GIA PHÚC BẢO NGỌC	02/04/2005	Nữ	9AT3	7.8	8.75	8.25	0	40.75

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	159659	11	HÀ LÊ BẢO NGUYỄN	17/02/2005	Nữ	9AT3	7.8	8.5	7	0	38
31	159771	16	VÕ MINH NHỰT	20/05/2005	Nam	9AT3	7	7.25	8.25	0	37.75
32	159826	18	LÊ NGUYỄN HỒNG PHƯỚC	18/12/2005	Nam	9AT3	7.8	6.5	6.5	0	35
33	159836	19	PHẠM NGỌC MINH PHƯƠNG	03/10/2005	Nữ	9AT3	8.5	7.25	5.25	0	34.75
34	159890	21	NGUYỄN NGỌC TRÚC QUỲNH	23/07/2005	Nữ	9AT3	6.5	6	5	0	29
35	159895	21	TRẦN NHẬT QUỲNH	14/10/2005	Nữ	9AT3	8.8	7.5	8	0	41
36	159900	21	VŨ TRẦN VÂN QUỲNH	20/02/2005	Nữ	9AT3	8	8.25	7.75	0	39.75
37	159998	3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12/11/2005	Nữ	9AT3	7.5	8.5	8	0	39.5
38	160014	4	NGUYỄN NHÂN THIỆU	05/05/2005	Nam	9AT3	7.5	7.75	8.75	0	40.25
39	160028	5	TRẦN XUÂN THỊNH	22/07/2005	Nam	9AT3	7	8.75	8.75	0	40.25
40	160039	5	NGUYỄN PHAN HOÀNG THÔNG	03/04/2005	Nam	9AT3	5.8	8.25	6.25	0	32.25
41	160067	6	NGUYỄN NGỌC ANH THƯ	25/11/2005	Nữ	9AT3	8.8	6.5	5.25	0	34.5
42	160090	7	TRẦN THUY ANH THƯ	16/08/2005	Nữ	9AT3	7	8.5	7.5	0	37.5
43	160098	8	NGUYỄN HIỀN THỰC	10/05/2005	Nữ	9AT3	7.8	5	6.5	0	33.5
44	160141	9	NGUYỄN MINH TIẾN	27/10/2005	Nam	9AT3	7.8	6.5	4.25	0	30.5
45	160270	15	PHẠM TIẾN TRUNG	26/07/2005	Nam	9AT3	7.5	8.5	8	0	39.5
46	160275	15	LÊ QUANG TRƯỜNG	07/12/2005	Nam	9AT3	7	5	5.5	0	30
47	160423	21	NGÔ HUỲNH NHƯ Ý	23/09/2005	Nữ	9AT3	6.8	7	7.75	0	36
48	160432	21	LÊ THỊ HOÀNG YẾN	31/12/2005	Nữ	9AT3	8.3	7.25	7.75	0	39.25
Tổng cộng có tất cả: 48 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158835	1	NGUYỄN NGỌC QUỲNH AN	23/12/2005	Nữ	9AT4	8	8.5	6.5	0	37.5
2	159086	11	NGUYỄN HOÀNG ANH DUY	12/02/2005	Nam	9AT4	7.3	6.5	7.5	0	36
3	159092	12	PHAN NGỌC MINH DUY	27/06/2005	Nam	9AT4	7	6.25	4	0	28.25
4	159095	12	TRẦN ANH DUY	20/01/2005	Nam	9AT4	6.8	8.25	8.25	0	38.25
5	159117	13	NGUYỄN HẠ GIANG	16/06/2005	Nữ	9AT4	8.3	6	6.75	0	36
6	159137	13	CAO GIA HÂN	23/09/2005	Nữ	9AT4	7.5	9	7.5	0	39
7	159146	14	LÝ HIỆU HÂN	29/05/2005	Nữ	9AT4	7.3	5	4.75	0	29
8	159224	17	PHAN NGUYỄN THƯƠNG HOÀI	11/07/2005	Nữ	9AT4	7	6.25	6.5	0	33.25
9	159257	18	ĐÀM QUỲNH HƯƠNG	26/07/2005	Nữ	9AT4	8.3	6	7	0	36.5
10	159387	24	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	25/02/2005	Nam	9AT4	7.5	6	1.5	0	24
11	159429	2	PHẠM NGUYỄN NHẬT KIM	15/01/2005	Nữ	9AT4	6.8	6.25	7	0	33.75
12	159510	5	LÂM XUÂN MAI	29/07/2005	Nữ	9AT4	8.3	9	9.5	1	45.5
13	159565	7	BÙI LƯU PHƯƠNG NAM	14/01/2005	Nam	9AT4	6	8.25	7.25	0	34.75
14	159653	11	TRẦN THIÊN NGỌC	22/02/2005	Nữ	9AT4	7.8	8.75	7.75	0	39.75
15	159760	15	TRẦN PHẠM TÂM NHƯ	22/12/2005	Nữ	9AT4	7	7.25	5.75	0	32.75
16	159775	16	NGHÊ TÀI PHÁT	28/04/2005	Nam	9AT4	7.3	6.75	5	1	32.25
17	159779	16	PHẠM MINH THIÊN PHÁT	29/01/2005	Nam	9AT4	7	8.75	8	0	38.75
18	159816	18	TRẦN LÊ DIỄM PHÚC	22/01/2005	Nữ	9AT4	8	5.25	6	0	33.25
19	159867	20	VŨ TRẦN THIÊN QUANG	29/04/2005	Nam	9AT4	6.8	8.75	7.75	0	37.75
20	159945	1	VÕ THÀNH TÂN	16/07/2005	Nam	9AT4	6.5	8	6	0	33
21	159963	2	LÝ CHIẾN THẮNG	28/01/2005	Nam	9AT4	6	7.75	8	0	35.75
22	159986	3	NGUYỄN VĂN THẠNH	04/12/2005	Nam	9AT4	6.5	5.5	4.25	0	27
23	159993	3	LƯƠNG PHƯƠNG THẢO	05/01/2005	Nữ	9AT4	7	6	4.25	1	29.5
24	160012	4	NGUYỄN QUỐC THIÊN	13/01/2005	Nam	9AT4	7	8	6.5	0	35
25	160020	4	NGUYỄN ĐỨC THỊNH	13/03/2005	Nam	9AT4	6.5	7	7.25	0	34.5
26	160043	5	NGUYỄN THỊ HÀ THU	15/06/2005	Nữ	9AT4	6	7.5	4.5	0	28.5
27	160047	5	DƯƠNG MINH THU	06/09/2005	Nữ	9AT4	7.5	7.5	6.75	0	36
28	160068	6	NGUYỄN NGỌC ANH THU	01/03/2005	Nữ	9AT4	8.5	8.25	7.25	0	39.75
29	160069	6	NGUYỄN NGỌC ANH THU	15/04/2005	Nữ	9AT4	8.5	7.25	3.5	0	31.25

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	160107	8	VŨ HỒ THANH THÚY	22/04/2005	Nữ	9AT4	7.3	7.5	4.5	0	31
31	160108	8	HUỖNH NGUYỄN PHƯƠNG	29/01/2005	Nữ	9AT4	7.3	5.75	5	0	30.25
32	160149	10	TRẦN TRUNG TIẾN	07/02/2005	Nam	9AT4	7.8	7.5	8.25	0	39.5
33	160206	12	NGUYỄN BUI THẢO TRANG	07/11/2005	Nữ	9AT4	8	6.75	7	0	36.75
34	160231	13	ĐÀO NGỌC PHƯƠNG TRINH	28/08/2005	Nữ	9AT4	8	7	7	0	37
35	160294	16	LÊ ANH TUẤN	04/09/2005	Nam	9AT4	6.5	5.5	3.75	0	26
36	160303	16	TRẦN QUỐC ANH TUẤN	08/09/2005	Nam	9AT4	7.3	7	3	0	27.5
37	160328	17	NGUYỄN HUỖNH PHƯƠNG	26/01/2005	Nữ	9AT4	8	7.5	8	0	39.5
38	160333	17	TRẦN LÝ NHẢ UYÊN	27/02/2005	Nữ	9AT4	8	7.5	3.75	0	31
39	160341	18	TẠ THẢO VÂN	17/12/2005	Nữ	9AT4	7.3	6.75	5.75	0	32.75
40	160345	18	BÀO NGỌC TƯỜNG VI	27/02/2005	Nữ	9AT4	7.5	4.25	4.5	0	28.25
41	160349	18	PHAN TƯỜNG VI	15/02/2005	Nữ	9AT4	8.3	7.25	6.5	0	36.75
42	160373	19	HUỖNH THẢO VY	31/01/2005	Nữ	9AT4	8.3	6.5	5.25	0	33.5
43	160385	19	NGUYỄN ĐỖ KHÁNH VY	18/01/2005	Nữ	9AT4	7.5	8.25	4.75	0	32.75
44	160397	20	NGUYỄN VÕ THÚY VY	02/02/2005	Nữ	9AT4	7.8	8.5	7.5	0	39
45	160406	20	TRẦN NGỌC BẢO VY	15/11/2005	Nữ	9AT4	6.8	7.5	7.25	0	35.5
Tổng cộng có tất cả: 45 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158849	1	PHẠM TRẦN DUY AN	19/08/2005	Nam	9AT5	7	7.5	5.75	0	33
2	158919	4	HÀ HUY BĂNG	13/08/2005	Nam	9AT5	4	6.75	6	0	26.75
3	158955	6	NGUYỄN THANH BÌNH	16/07/2005	Nam	9AT5	5.5	4.25	2	0	19.25
4	158970	7	NGUYỄN TRẦN BẢO CHÂU	30/09/2005	Nữ	9AT5	6.8	6	4	0	27.5
5	158994	8	NGUYỄN KHOA ĐĂNG	23/08/2005	Nam	9AT5	6.8	7.5	4.5	0	30
6	159000	8	NGUYỄN MINH DANH	27/12/2005	Nam	9AT5	7	7	8	0	37
7	159008	8	ĐỖ THÀNH ĐẠT	15/02/2005	Nam	9AT5	6.5	5.5	3.25	0	25
8	159161	14	TRẦN NGỌC GIA HÂN	08/06/2005	Nữ	9AT5	6.5	6.75	6.25	0	32.25
9	159184	15	PHẠM LÂM MỸ HẢO	01/06/2005	Nữ	9AT5	7	6.25	6.25	0	32.75
10	159222	17	PHAN THANH HÒA	28/07/2005	Nam	9AT5	6.8	7.25	8.5	0	37.75
11	159281	19	HUỲNH GIA HUY	03/08/2005	Nam	9AT5	5.5	8	2.75	0	24.5
12	159317	21	LÊ GIA HY	27/02/2005	Nam	9AT5	7.5	5.25	6	0	32.25
13	159376	23	BÙI MINH KHIÊM	25/09/2005	Nam	9AT5	3.5	6.5	2.25	0	18
14	159395	24	VÕ LÊ VĂN KHOA	29/08/2005	Nam	9AT5	6.5	7.5	6.5	0	33.5
15	159399	24	LÂM PHƯƠNG DUY KHÔI	12/03/2005	Nam	9AT5	7.3	5.25	3.75	1	28.25
16	159402	1	NGUYỄN HỮU MINH KHÔI	12/06/2005	Nam	9AT5	6.5	6.25	6.25	0	31.75
17	159412	1	TRẦN TRUNG KIẾN	14/11/2005	Nam	9AT5	5	7.25	5.75	0	28.75
18	159453	3	CHÂU KHÁNH LINH	25/01/2005	Nữ	9AT5	7	6.75	4.75	1	31.25
19	159513	5	NGUYỄN NGỌC MAI	19/05/2005	Nữ	9AT5	7.5	7.25	5	0	32.25
20	159568	7	NGUYỄN ANH NAM	21/04/2005	Nam	9AT5	6	5.75	7.25	0	32.25
21	159604	9	ĐOÀN PHAN GIA NGHI	15/12/2005	Nữ	9AT5	6	4.25	4	0	24.25
22	159623	10	NGUYỄN TRUNG NGHỊ	19/06/2005	Nam	9AT5	6.5	6.5	3.25	0	26
23	159649	11	TRẦN LÊ BẢO NGỌC	13/06/2005	Nữ	9AT5	7	4.5	4.5	0	27.5
24	159652	11	TRẦN THỊ BÍCH NGỌC	21/07/2005	Nữ	9AT5	7	6	3.25	0	26.5
25	159668	12	PHẠM HOÀNG THẢO NGUYỄN	23/01/2005	Nữ	9AT5	6.5	4	4	0	25
26	159723	14	NGUYỄN SƠN TUYẾT NHI	24/06/2005	Nữ	9AT5	7	5.5	2.5	0	24.5
27	159756	15	PHẠM NGỌC QUỲNH NHƯ	30/01/2005	Nữ	9AT5	6	7.5	5.75	0	31
28	159792	17	VŨ TUẤN PHONG	03/10/2005	Nam	9AT5	5.8	4.75	5.25	0	26.75
29	159844	19	TRƯƠNG ĐÀO ĐÔNG PHƯƠNG	27/06/2005	Nữ	9AT5	8	4.75	4	1	29.75

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
30	159860	20	TRẦN NGỌC MINH QUÂN	02/08/2005	Nam	9AT5	6	8.25	6	0	32.25
31	159870	20	BÙI CHÂN QUỐC	21/07/2005	Nam	9AT5	5	4.5	2.5	0	19.5
32	159906	22	NGUYỄN THÁI SANG	23/08/2005	Nam	9AT5	6.8	6	4	0	27.5
33	159938	1	VĂN NGUYỄN MINH TÂM	25/06/2005	Nam	9AT5	6.5	5.5	8	0	34.5
34	159983	3	PHAN TÍN THÀNH	02/08/2005	Nam	9AT5	6.5	7.5	6	0	32.5
35	160061	6	NGUYỄN HOÀNG MINH THU'	07/03/2005	Nữ	9AT5	7.5	7.25	8	0	38.25
36	160091	7	VŨ NGỌC ANH THU'	24/09/2005	Nữ	9AT5	7	6	6	0	32
37	160121	8	HỒ NGỌC HUỖNH TIỀN	28/10/2005	Nữ	9AT5	6.8	7	6.25	0	33
38	160159	10	NGUYỄN PHƯỚC TOÀN	15/11/2005	Nam	9AT5	8	6.5	4.5	0	31.5
39	160249	14	MAI THANH TRÚC	24/10/2005	Nữ	9AT5	6.8	8.25	5.5	1	33.75
40	160281	15	LÊ THANH TÚ	04/08/2005	Nam	9AT5	6	8.75	8.25	0	37.25
41	160331	17	TRẦN BẢO UYÊN	17/03/2005	Nữ	9AT5	7.5	7.5	8	0	38.5
42	160426	21	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	03/06/2005	Nữ	9AT5	6.8	5.5	3.75	0	26.5
Tổng cộng có tất cả: 42 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTK K	Tổng điểm
1	158874	3	LÊ NGUYỄN NGỌC ANH	22/02/2005	Nữ	9AT6	7	7	6.25	0	33.5
2	158931	5	NGUYỄN ĐÌNH QUỐC BẢO	29/09/2005	Nam	9AT6	6.5	7	2.25	0	24.5
3	158982	7	NGUYỄN ĐỨC CHUNG	01/08/2005	Nam	9AT6	7	3.75	2	0	21.75
4	158995	8	NGUYỄN LÊ TÂM ĐĂNG	01/11/2005	Nam	9AT6	7	4	6	0	30
5	159085	11	NGUYỄN HỒ BẢO DUY	29/05/2005	Nam	9AT6	6.5	7.25	3.25	0	26.75
6	159131	13	TRẦN VÕ KHÁNH HÀ	24/09/2005	Nữ	9AT6	4.5	4	2.5	0	18
7	159174	15	CHUNG NGHĨA HÀO	13/01/2005	Nam	9AT6	5	6.5	4.5	1	26.5
8	159186	16	NGUYỄN PHÚC HẬU	19/02/2005	Nam	9AT6	6.3	7	8.75	0	37
9	159212	17	PHẠM TRẦN CHÍ HIẾU	08/04/2005	Nam	9AT6	7	3.25	2.75	0	22.75
10	159289	20	NGÔ QUANG HUY	20/05/2005	Nam	9AT6	6	6.5	3	0	24.5
11	159292	20	NGUYỄN GIA HUY	11/12/2005	Nam	9AT6	7	7.75	8.5	0	38.75
12	159311	21	NGÔ THỊ MỸ HUYỀN	13/07/2005	Nữ	9AT6	7.5	5	4.75	0	29.5
13	159331	22	MAI VĂN KHẢI	28/07/2005	Nam	9AT6	6.5	4.75	5.75	0	29.25
14	159423	1	TRẦN BUI ANH KIỆT	31/08/2005	Nam	9AT6	6	5	6	0	29
15	159496	4	NGUYỄN TRẦN THÀNH LONG	17/03/2005	Nam	9AT6	6.3	6.5	4.25	0	27.5
16	159556	7	NGUYỄN THỊ DIỄM MY	11/11/2005	Nữ	9AT6	6.5	6.5	3.5	0	26.5
17	159601	9	ĐẶNG TRẦN MINH NGHI	29/01/2005	Nữ	9AT6	6.3	7.75	4.75	0	29.75
18	159609	9	LÂM GIA NGHI	16/12/2005	Nữ	9AT6	6	4.75	2.25	0	21.25
19	159616	9	PHẠM HUỲNH GIA NGHI	29/06/2005	Nữ	9AT6	5.3	4	2	0	18.5
20	159634	10	LÊ THỊ BÍCH NGỌC	25/03/2005	Nữ	9AT6	5.5	5.25	3.5	0	23.25
21	159689	12	HUỲNH NHẬT	10/11/2005	Nam	9AT6	7.5	9.5	7	0	38.5
22	159695	13	NGUYỄN MINH NHẬT	01/07/2005	Nam	9AT6	6.5	8	6.5	0	34
23	159710	13	LÊ THỊ QUỲNH NHI	01/05/2005	Nữ	9AT6	7	3.25	2.5	0	22.25
24	159720	14	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	17/05/2005	Nữ	9AT6	6.5	5.25	2.75	0	23.75
25	159740	15	ĐẶNG PHẠM QUỲNH NHƯ	06/08/2005	Nữ	9AT6	7.3	3.25	2.75	0	23.25
26	159743	15	HỨA THUY NGOC NHƯ	16/02/2005	Nữ	9AT6	8	5.75	4.25	0	30.25
27	159875	20	TRẦN TRÍ QUỐC	03/05/2005	Nam	9AT6	5.3	6.5	2.75	0	22.5
28	159899	21	VÕ THỊ NHƯ QUỲNH	11/03/2005	Nữ	9AT6	7.5	3.5	1.5	0	21.5
29	159904	21	LÊ CÔNG SANG	10/01/2005	Nam	9AT6	7.8	4.75	3.5	0	27.25

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTK K	Tổng điểm
30	159970	2	TRƯƠNG QUYẾT THẮNG	26/02/2005	Nam	9AT6	8	7.5	7.25	0	38
31	159973	2	NGUYỄN MINH THANH	02/02/2005	Nam	9AT6	7	7.25	5.5	0	32.25
32	160029	5	VÕ ĐĂNG THỊNH	25/03/2005	Nam	9AT6	6.5	6	5.5	0	30
33	160042	5	NGUYỄN THANH THU	23/09/2005	Nữ	9AT6	6	5	3.5	0	24
34	160048	5	HÀ LÊ ANH THƯ	22/12/2005	Nữ	9AT6	6.5	6	2.5	0	24
35	160054	6	LÊ NGỌC ANH THƯ	08/08/2005	Nữ	9AT6	7.3	1.75	2.5	0	21.25
36	160157	10	HÀ TRUNG TOÀN	01/03/2005	Nam	9AT6	7	4.5	6.75	0	32
37	160160	10	NGUYỄN THAI TOÀN	23/07/2005	Nam	9AT6	6.5	6.75	6.75	0	33.25
38	160175	11	NGUYỄN HUỲNH BẢO TRÂM	06/02/2005	Nữ	9AT6	5.5	4.5	2.5	0	20.5
39	160189	11	HỒ LÊ BẢO TRẦN	09/06/2005	Nữ	9AT6	8	6.25	6.25	0	34.75
40	160196	12	PHẠM NGỌC BẢO TRẦN	29/06/2005	Nữ	9AT6	5	6.25	6.5	0	29.25
41	160329	17	NGUYỄN LÊ PHỤNG UYÊN	10/07/2005	Nữ	9AT6	7	6	4.75	0	29.5
42	160399	20	PHẠM NGỌC LAN VY	29/05/2005	Nữ	9AT6	5.3	3.75	3.25	0	20.75
43	160412	21	TRƯƠNG THẢO VY	05/04/2005	Nữ	9AT6	7	6	3	0	26
Tổng cộng có tất cả: 43 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHUƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158834	1	NGUYỄN MAI LỘC AN	11/05/2005	Nam	9TH1	7.5	8.75	8.75	0	41.25
2	159024	9	PHẠM TÂN ĐẠT	30/03/2005	Nam	9TH1	6.5	4.5	5	0	27.5
3	159089	11	NGUYỄN KHẮC DUY	29/10/2005	Nam	9TH1	7.3	7.75	8.75	0	39.75
4	159160	14	TRẦN NGỌC HÂN	19/06/2005	Nữ	9TH1	8.3	9.25	8.75	0	43.25
5	159165	15	NGUYỄN KIM HẰNG	27/02/2005	Nữ	9TH1	6.8	7.5	7.25	0	35.5
6	159409	1	NGUYỄN THÀNH KIẾN	10/11/2005	Nam	9TH1	7.3	6.5	9	0	39
7	159454	3	ĐOÀN VŨ ÁNH LINH	09/02/2005	Nữ	9TH1	7.5	8	8.25	0	39.5
8	159687	12	TRẦN THIỆN NHÂN	21/10/2005	Nam	9TH1	8.8	9.25	10	0	46.75
9	160132	9	TRẦN LÊ CÁT TIỀN	09/08/2005	Nữ	9TH1	8.8	9	8.75	0	44
10	160271	15	PHAN NGUYỄN THÀNH TRUNG	18/04/2005	Nam	9TH1	6.5	9	8	0	38
Tổng cộng có tất cả: 10 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN AN KHƯƠNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòn g	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTK K	Tổng điểm
1	158920	4	CHUNG NGUYỄN QUỐC BẢO	19/01/2005	Nam	9TH2	5.75	6.25	4.75	0	27.25
2	159045	10	LÊ THANH ĐỨC	18/11/2005	Nam	9TH2	7	8	7	0	36
3	159047	10	NGUYỄN VĂN ĐỨC	02/03/2005	Nam	9TH2	6.75	8.75	7	0	36.25
4	159053	10	NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	17/02/2005	Nữ	9TH2	7	7.75	8.5	0	38.75
5	159168	15	TRƯƠNG THUY HẰNG	22/03/2005	Nữ	9TH2	7.25	2.25	5	0	26.75
6	159452	3	BÙI THỊ THUY LINH	18/01/2005	Nữ	9TH2	8.25	5.75	8.5	0	39.25
7	159475	4	TIÊU THẢO LINH	22/06/2005	Nữ	9TH2	6	4.75	8	1	33.75
8	159646	11	PHẠM HUỲNH BẢO NGỌC	03/10/2005	Nữ	9TH2	7.5	6.5	6	0	33.5
9	159794	17	HUỲNH TRƯƠNG THIÊN PHÚ	11/09/2005	Nam	9TH2	7.25	8.5	7.75	0	38.5
10	160203	12	ĐOÀN THỊ THU TRANG	03/05/2005	Nữ	9TH2	7.75	9	8.75	0	42
11	160344	18	HỨA VĨ VĂN	12/10/2005	Nam	9TH2	7	3	2.25	0	21.5
Tổng cộng có tất cả: 11 học sinh.											